

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2025/DS-PT
Ngày: 21 - 3 - 2025
V/v "Hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Doan**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà **Bùi Thị Thanh Bạch**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng bảo hiểm"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 241/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Huệ H, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: 84B, Tổ F, Ấp D, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Huệ H: Công ty Cổ phần D1 (Hợp đồng ủy quyền số 14573 ngày 17/10/2023).

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần D1 ủy quyền cho anh Trương Minh Cát N; anh Nguyễn Ngọc T; chị Văn Thị Yên N1; chị Nguyễn Võ Thiên D (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023).

Địa chỉ liên lạc: Tầng F, C, Tòa nhà R, Số A - 155, B, phường F, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Tổng Công ty B.

Trụ sở: Tầng C, Tòa nhà K, đường P, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty B: Ông Phạm Ngọc S – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Ông Phạm Ngọc S ủy quyền cho ông Hà Học K – Chức vụ: Phó Trưởng phòng – Phòng Pháp chế Tổng Công ty B; Ông Trần Phi H1 – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Pháp chế Tổng Công ty B. (Văn bản ủy quyền số 10/2025/BVNT ngày 12/3/2025).

Địa chỉ chi nhánh B: 259, H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ H – Đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Ngọc T - Công ty Cổ phần DI trình bày: Chị Nguyễn Thị Huệ H và Tổng Công ty B (B) ký kết 04 Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nhưng chị H chỉ yêu cầu xem xét 03 Hợp đồng bảo hiểm cụ thể như sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm số 569406568, ngày có hiệu lực 18/12/2018; Bên mua bảo hiểm là chị Nguyễn Thị Huệ H; Người được bảo hiểm chính: cháu Trần Nguyễn Bảo L, sinh năm 2018; Người được bảo hiểm phụ thứ nhất: chị Nguyễn Thị Huệ H; Người được bảo hiểm phụ thứ hai: anh Trần Bảo T1; Người thụ hưởng: chị Nguyễn Thị Huệ H; Tỷ lệ được thụ hưởng: 100%; Thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính là 20 năm (từ ngày 18/12/2018 đến hết ngày 17/12/2038); Định kỳ đóng phí bảo hiểm hàng năm; Ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm: ngày 18/12 hàng năm. Số tiền bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV – NR18) tại hợp đồng bảo hiểm số 569406568 là 50.000.000 đồng.

2. Hợp đồng bảo hiểm số 10000006228019, ngày có hiệu lực 17/05/2021; Bên mua bảo hiểm là chị Nguyễn Thị Huệ H; Người được bảo hiểm: anh Trần Bảo T1; Người thụ hưởng: chị Nguyễn Thị Huệ H (vợ anh Trần Bảo T1); Tỷ lệ được thụ hưởng: 100%; Thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính là 20 năm (từ ngày 17/05/2021 đến hết ngày 16/05/2041); Định kỳ đóng phí bảo hiểm hàng năm; Ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm: ngày 17/5 hàng năm. Số tiền bảo hiểm chính là 800.000.000 đồng.

Các sản phẩm bổ sung: Bảo hiểm thương tật vĩnh viễn do tai nạn (BV – NR12) là 100.000.000 đồng; Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV – NR19) là 500.000 đồng/ngày; Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV – NR18) là 100.000.000 đồng;

Quyền lợi miễn đóng phí... (BV – NR17); Bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng (BV – NR15).

Tổng số tiền bảo hiểm tại Hợp đồng bảo hiểm số 10000006228019 là 800.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 900.000.000 đồng.

3. Hợp đồng bảo hiểm số 10000004711654, ngày có hiệu lực 23/12/2020; Bên mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm: anh Trần Bảo T1; Người thụ hưởng: chị Nguyễn Thị Huệ H (vợ anh Trần Bảo T1); Tỷ lệ được thụ hưởng: 100%; Thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính là 10 năm (từ ngày 23/12/2020 đến hết ngày 22/12/2030); Định kỳ đóng phí bảo hiểm hàng năm; Ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm: ngày 23/12 hàng năm. Số tiền bảo hiểm là 200.000.000 đồng. Số tiền bảo hiểm tại Hợp đồng bảo hiểm số 1000000471165 là 200.000.000 đồng.

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/3/2023, anh Trần Bảo T1 là người được bảo hiểm, điều khiển xe mô tô biển số 63B3 – 202.14 lưu thông trên đường H từ hướng đầu cầu thẳng đến Ủy ban nhân dân xã T. Trên đường chạy đến của công thuộc ấp T, xã T, thành phố M thì tự té và tử vong tại chỗ.

Theo Kết luận của Cơ quan chức năng, vào ngày 03/3/2023 anh Trần Bảo T1 (là người được bảo hiểm đối với các Hợp đồng bảo hiểm trên) bị tử vong do tai nạn giao thông đường bộ. Ngày 04/4/2023, chị Nguyễn Thị Huệ H gửi đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đến Tổng Công ty B. Ngày 10/4/2023, Tổng Công ty B ra Thông báo về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho chị H, từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, hoàn trả các khoản phí bảo hiểm đã đóng. Theo đó, B cho rằng hành vi điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu có nồng độ cồn của người được bảo hiểm đã vi phạm Khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Vi phạm Khoản 6 Điều 5 và Khoản 1 Điều 35 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 và thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Điểm 7.1.3 Điều khoản BV – NA14, Điểm 14.1.2 Điều khoản BV – NH01, Điểm 7.1.5 Điều khoản BV – NCUVL01 và Điểm 11.2.6 Điều khoản BV – NR18. Chị Nguyễn Thị Huệ H không đồng ý với nội dung thông báo của Tổng Công ty B.

Căn cứ vào văn bản Thông báo về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm, B viện dẫn Điều 7 của điều khoản bảo hiểm A Trọn Đời – Trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quy định: “7.1 Bảo Việt N không phải giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điểm 6.2.3, Điểm 6.2.4, Khoản 6.3 và Điểm 6.4.1 Điều 6 nếu Người được bảo hiểm tử vong, bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc bệnh hiểm nghèo do hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp của: 7.1.5 Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác”

Thông báo Kết luận giám định số 859/TB – ĐTTH ngày 10/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M, kết luận giám định nguyên nhân cái chết của anh Trần Bảo T1 như sau: “chấn thương sọ não hở, do xuất huyết dưới màng cứng, ngoài màng cứng, dưới nhện, xuất huyết thân não, dập nhu mô não, vỡ vòm sọ, sàng sọ phức tạp do tai nạn giao thông”. Hồ sơ tai nạn giao thông ghi nhận anh Trần Bảo T1 có nồng độ cồn trong máu là 183,9mg/dl. Như vậy nguyên nhân cái chết của anh Trần Bảo T1 được xác định là chấn thương sọ não do tai nạn giao thông gây ra. Pháp luật hiện hành không cấm người dân sử dụng rượu, bia, thực phẩm nên việc anh Trần Bảo T1 sử dụng rượu, bia thực phẩm không phải là hành vi sử dụng trái phép rượu, bia. Anh Trần Bảo T1 lái xe sau khi đã uống rượu, bia là hành vi “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”, quy định tại Khoản 6 Điều 5 của Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia; Điều 8 Luật Giao thông đường bộ hiện hành. Hành vi này không phải là “hành vi sử dụng trái phép rượu, bia” đó là hành vi điều khiển xe vi phạm luật giao thông đường bộ.

Việc sử dụng trái phép rượu, bia thực phẩm không tồn tại vì không có bất kỳ quy định nào hoặc kết luận nào của Cơ quan chức năng có thẩm quyền cho rằng người được bảo hiểm anh Trần Bảo T1 sử dụng trái phép rượu, bia thực phẩm. Do đó, hành vi “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn” không phải là căn cứ để loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo điều khoản loại trừ nêu trên. Hơn nữa Hợp đồng bảo hiểm được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm.

Nay chị Nguyễn Thị Huệ H yêu cầu Tổng Công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm và bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, cụ thể như sau: Quyền lợi bảo hiểm tử vong của 03 Hợp đồng bảo hiểm (gồm: Hợp đồng số 569406568; Hợp đồng số 10000006228019 và Hợp đồng số 10000004711654) là 970.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 10/4/2023 cho đến ngày xét xử. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Tổng Công ty B trình bày: Các Hợp đồng bảo hiểm anh Trần Bảo T1 tham gia tại Bảo Việt N gồm:

1. Số Hợp đồng 569406568, hiệu lực ngày 18/12/2018. Sản phẩm: An Phát Trộn Đồi – BV - NCUVL01. Số tiền bảo hiểm 600.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV- NR18, Số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV-NR15, Số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV-NR19, Số tiền bảo hiểm 200.000 đồng. Đóng phí đến 17/12/2023. Ngày đóng phí cuối cùng 19/12/2022. Định kỳ đóng phí 01 năm.

2. Số Hợp đồng 10000006228019, hiệu lực ngày 17/05/2021. Sản phẩm: An Phát Trộn Đồi – BV - NCUVL01. Số tiền bảo hiểm 800.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV – NR17, Số tiền bảo hiểm 18.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV – NR18, Số tiền bảo hiểm 100.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV – NR12, Số tiền bảo hiểm 100.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV – NR15, Số tiền bảo hiểm 100.000.000 đồng. Điều khoản bồi trợ BV – NR19, Số tiền bảo hiểm 500.000 đồng. Đóng phí đến 16/05/2023. Ngày đóng phí cuối cùng 20/05/2022. Định kỳ đóng phí 01 năm.

3. Số Hợp đồng 10000004711654, hiệu lực ngày 23/12/2020. Sản phẩm: Life Care – BV -. Số tiền bảo hiểm 200.000.000 đồng. Đóng phí đến 22/12/2023. Ngày đóng phí cuối cùng 13/12/2022. Định kỳ đóng phí 01 năm.

4. Số Hợp đồng 04103100043710, hiệu lực ngày 28/10/2017. Sản phẩm: An Gia Tài Lộc – BV -1 - 18. Số tiền bảo hiểm 75.000.000 đồng. Đóng phí đến 27/04/2023. Ngày đóng phí cuối cùng 15/01/2023. Định kỳ đóng phí 03 tháng.

Ngày 03/4/2023, B nhận được Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của gia đình anh Trần Bảo T1. B đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu liên quan đến vụ việc. Ngày 29/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T có văn bản trả lời kết quả trưng cầu kết luận điều tra vụ tai nạn, kết luận nguyên nhân tai nạn của điều tra vụ việc là do anh Trần Bảo T1 điều khiển xe mô tô trong trạng thái có sử dụng rượu bia (nồng độ cồn trong máu 183.9mg/dl) chạy đến cua cong tự té dẫn đến tai nạn giao thông. Căn cứ kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định hành vi điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu có nồng độ cồn của anh T1 đã vi phạm Khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: “8. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.”; Khoản 6 Điều 5 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 và Khoản 1 Điều 35 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019: “1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 như sau:

8. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn” và rủi ro của anh T1 thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Điểm 7.1.3 Điều khoản An Gia Tài Lộc: “ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác;”, Đ 14.1.2 Điều khoản Life Care: “Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác”, Đ 7.1.5 Điều khoản An Phát Trộn Đồi: “Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác” và Điểm 11.2.6 Điều khoản bồi trợ BV- NR18: “Người được bảo hiểm sử

dụng rượu bia, ma túy, thuốc gây nghiện hoặc các chất kích thích khác trái với quy định của pháp luật”.

Ngày 10/4/2023, B đã có Thông báo giải quyết quyền lợi bảo hiểm gửi khách hàng, cụ thể:

1. Hợp đồng An Gia Tài L1 (BV -2) số 04103100043710: Hoàn 100% phí bảo hiểm hợp đồng chính đã nộp 56.564.400 đồng trừ phí đánh giá rủi ro và phát hành hợp đồng 300.000 đồng, số tiền chi trả là 56.264.400 đồng (căn cứ Khoản 7.2).

2. Hợp đồng Lifecare (BV -) số 10000004711654: Hoàn phí bảo hiểm đã nộp, số tiền 1.620.000 đồng (căn cứ Khoản 14.3).

3. Hợp đồng An Phát Trọn Đời (BV -3) số 10000006228019: Điều khoản BV – NCUVL01 hoàn 100% phí bảo hiểm hợp đồng chính đã nộp 36.000.000 đồng trừ phí đánh giá rủi ro và phát hành hợp đồng 300.000 đồng, số tiền chi trả là 35.700.000 đồng (căn cứ Điểm 7.2a); Điều khoản BV- NR18 hoàn phí bảo hiểm đã nộp 1.140.000 đồng (căn cứ Khoản 11.4); Điều khoản BV – NR19 do rủi ro của Người được bảo hiểm thuộc phạm vi loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên không có cơ sở để Bảo Việt N giải quyết quyền lợi hỗ trợ chi phí vận chuyển cấp cứu (căn cứ Điểm 10.1.6).

4. Hợp đồng An Phát Trọn Đời (BV -3) số 569406568: Điều khoản BV – NR18 của Người được bảo hiểm, hoàn phí bảo hiểm đã nộp 1.425.000 đồng (căn cứ Khoản 11.4); Điều khoản BV – NR19 của Người được bảo hiểm, do rủi ro của Người được bảo hiểm thuộc phạm vi loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên không có cơ sở để Bảo Việt N giải quyết quyền lợi hỗ trợ chi phí vận chuyển cấp cứu (căn cứ Khoản 10.1.6); Hợp đồng chính và các sản phẩm bổ trợ của Bên mua bảo hiểm Nguyễn Thị Huệ H và Người được bảo hiểm Trần Nguyễn Bảo L tiếp tục duy trì hiệu lực với các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

5. Hợp đồng số 0410310043710, 10000004711654 và 10000006228019 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 03/3/2023.

Đối với Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ H yêu cầu B giải quyết quyền lợi bảo hiểm và trả tiền chậm trả do vi phạm nghĩa vụ của chị H đối với 03 Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng số 569406568; Hợp đồng số 10000006228019 và Hợp đồng số 10000004711654) với tổng số tiền 1.067.000.000 đồng vì cho rằng hành vi lái xe sau khi đã uống rượu bia của anh T1 là hành vi “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn” quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật Phòng chống tác hại rượu, bia; Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và hành vi này không

phải là hành vi “sử dụng trái phép rượu, bia”, không phải là căn cứ để loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Điều khoản loại trừ của Điều khoản An Phát Trọn Đời là không đúng với quy định của pháp luật và các Điều khoản hợp đồng bảo hiểm.

Do anh Trần Bảo T1 là người trực tiếp điều khiển xe máy trên đường thì bị tai nạn và Kết luận của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố M xác định anh T1 sử dụng rượu, bia (có nồng độ cồn trong máu là 183.9mg/dl) khi điều khiển xe máy tham gia giao thông.

Theo quy định tại tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 21 Luật Phòng chống tác hại rượu, bia thì Người điều khiển phương tiện giao thông không được uống rượu bia trước và trong khi tham gia giao thông và Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra nồng độ cồn trong máu, hơi thở của người điều khiển phương tiện giao thông. Tại Văn bản trả lời kết quả trưng cầu kết luận điều tra vụ tai nạn ngày 03/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T đã kết luận nguyên nhân tai nạn “Do anh Trần Bảo T1 điều khiển xe mô tô BKS 63B3 – 202.14 trong tình trạng có sử dụng rượu, bia (nồng độ cồn trong máu là 183,9mg/dl) chạy đến cua cong tự té dẫn đến tai nạn giao thông”. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định anh T1 đã điều khiển phương tiện xe mô tô tham gia giao thông khi trước đó đã sử dụng rượu, bia và hành vi sử dụng rượu bia sau đó điều khiển phương tiện tham gia giao thông của anh T1 là trái quy định của pháp luật.

Về Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: “...Người được bảo hiểm tử vong do, bị thương tật vĩnh viễn hoặc bệnh hiểm nghèo do hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp của: ...Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác” quy định tại Điểm 7.1.5 Điều 7 Điều khoản An Phát Trọn Đời, Đ 14.1.2 Điều khoản Life Care và “Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn, tử vong, bỏng nặng, chấn thương sọ não, nằm viện hoặc phẫu thuật do bất kỳ nguyên nhân nào dưới đây, dù trực tiếp hay gián tiếp :... Người được bảo hiểm sử dụng rượu bia, ma túy, thuốc gây nghiện hoặc các chất kích thích khác trái với quy định của pháp luật” quy định tại Điểm 11.2.6 Điều khoản bồi trợ BV –R18 là phù hợp với quy định tại Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Khoản 1 Điều 21 Luật Phòng chống tác hại rượu, bia và Khoản 6 Điều 5 Luật Phòng chống tác hại rượu, bia quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia, Khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ hiện hành, đồng thời phù hợp với Kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T về nguyên nhân tai nạn.

Đối với nội dung mà chị Nguyễn Thị Huệ H xác định do Hợp đồng Bảo Việt N là Hợp đồng mẫu và điều khoản về loại trừ trách nhiệm liên quan đến

việc sử dụng rượu, bia tại Hợp đồng bảo hiểm chưa rõ ràng nên phải được giải thích theo hướng có lợi cho Bên mua bảo hiểm theo quy định tại Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Khoản 2 Điều 405 Bộ Luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở vì các điều khoản về loại trừ trách nhiệm liên quan đến sử dụng rượu, bia được Bảo Việt N quy định rõ ràng và trên cơ sở quy định của pháp luật. Cụ thể tại Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm: “1. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp B1 nước ngoài không phải bồi thường trả tiền bảo hiểm.”, Điều 21 Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia quy định: “1. Người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông.”, Khoản 6 Điều 5 Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia quy định về các hành vi bị nghiêm cấm “6. Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.”, Khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ hiện hành: “8. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.”

Đối với yêu cầu về lãi: B đã giải quyết quyền lợi đúng theo quy định của Điều khoản hợp đồng và pháp luật do đó không có cơ sở để phát sinh tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ.

Đối với Đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị H2 Hoa buộc Tổng Công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm và bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, cụ thể như sau: Quyền lợi bảo hiểm tử vong của 03 Hợp đồng bảo hiểm (gồm: Hợp đồng số 569406568; Hợp đồng số 10000006228019 và Hợp đồng số 10000004711654) là 970.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 10/04/2023 cho đến ngày xét xử. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tổng Công ty B không đồng ý bồi thường bất cứ khoản nào theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huệ H do không có căn cứ. Căn cứ không bồi thường thì được trình bày cụ thể tại Văn bản trình bày ý kiến của Tổng Công ty B như đã nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 241/2024/DS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 385, Điều 401 Bộ luật dân sự; Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 ngày 14/06/2019; Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ H về việc yêu cầu Tổng Công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm và bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng gồm Quyền lợi bảo hiểm tử vong của 03 Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng số 569406568 ngày 18/12/2018; Hợp đồng số 10000004711654 ngày 23/12/2020 và Hợp đồng số 10000006228019 ngày 17/05/2021) số tiền là 970.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không bổ sung thêm được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án tranh chấp “Hợp đồng bảo hiểm” là có căn cứ và phù hợp.

Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm trong hạn luật định và phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Huệ H, anh Trần Bảo T1 và Tổng công ty B có ký kết các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cụ thể như sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm số 569406568, hiệu lực của hợp đồng ngày 18/12/2018. Sản phẩm: Trọn đời yêu thương. Số tiền bảo hiểm là 600.000.000đồng.

- Bên mua bảo hiểm là Nguyễn Thị Huệ H.
- Người được bảo hiểm chính là Trần Nguyễn Bảo L.
- Người thụ hưởng là Nguyễn Thị Huệ H

Các sản phẩm bổ trợ của hợp đồng gồm:

+ Bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15) số tiền bảo hiểm là 50.000.000đồng.

+ Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18) số tiền bảo hiểm là 50.000.000đồng.

+ Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19) số tiền bảo hiểm là 200.000đồng.

Người được bảo hiểm là chị Nguyễn Thị Huệ H, anh Trần Bảo T1 và cháu Trần Nguyễn Bảo L.

Thời hạn là 20 năm, định kỳ đóng phí hàng năm. Ngày đóng phí cuối cùng là ngày 19/12/2022.

2. Hợp đồng số 10000006228019, hiệu lực hợp đồng ngày 17/5/2021. Sản phẩm A phát trọn đời. Số tiền bảo hiểm là 800.000.000đồng.

- Bên mua bảo hiểm là Nguyễn Thị Huệ H.
- Người được bảo hiểm Trần Bảo T1.
- Người thụ hưởng là Nguyễn Thị Huệ H

Các sản phẩm bổ trợ của hợp đồng:

+ Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR12) số tiền bảo hiểm là 100.000.000đồng.

+ Bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15) số tiền bảo hiểm là 100.000.000đồng.

+ Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17) số tiền bảo hiểm là 18.000.000đồng.

+ Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18) số tiền bảo hiểm là 100.000.000 đồng.

+ Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19) số tiền bảo hiểm là 500.000đồng.

Người được bảo hiểm là anh Trần Bảo T1.

Thời hạn là 20 năm, định kỳ đóng phí hàng năm. Ngày đóng phí cuối cùng là ngày 20/5/2022.

3. Hợp đồng số 04103100043710, hiệu lực hợp đồng ngày 28/10/2017. Sản phẩm A1 (BV-NA18). Số tiền bảo hiểm là 75.000.000đồng.

- Bên mua bảo hiểm là Trần Bảo T1.
- Người được bảo hiểm Trần Bảo T1.
- Người thụ hưởng là Nguyễn Thị Huệ H

Thời hạn là 21 năm, định kỳ đóng phí 03 tháng. Ngày đóng phí cuối cùng là ngày 15/01/2023.

4. Hợp đồng số 10000004711654, hiệu lực hợp đồng ngày 23/12/2020. Sản phẩm Life C (Bảo hiểm ung thư và đột quỵ). Số tiền bảo hiểm là 200.000.000 đồng.

- Bên mua bảo hiểm là Trần Bảo T1.
- Người được bảo hiểm Trần Bảo T1.
- Người thụ hưởng là Nguyễn Thị Huệ H.

Thời hạn 10 năm, định kỳ đóng phí hàng năm. Ngày đóng phí cuối cùng là ngày 13/12/2022.

Ngày 03/3/2023 vào khoảng 22 giờ 30 phút, anh Trần Bảo T1 trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 63B3-202.14 lưu thông trên đường H hướng từ đầu cồn T thẳng đến Ủy ban nhân dân xã T. Trên đường chạy đến cua cong thuộc ấp T, xã T, thành phố M do chạy tốc độ nhanh xử lý tình huống không kịp tự té tử vong tại chỗ. Theo kết luận số 1431/ĐTTH ngày 15/8/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M kết luận nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông: “Do anh Trần Bảo T1 điều khiển xe mô tô biển số 63B3-202.14 trong trạng thái có sử dụng rượu, bia (Nồng độ A 183,9mg/dl) chạy đến cua cong tự té dẫn đến tai nạn giao thông. Vi phạm khoản 8 điều 8 Luật giao thông đường bộ”.

Ngày 04/4/2023, chị Nguyễn Thị Huệ H gửi đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đến Tổng công ty B nhưng không được Tổng công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm cho bên mua với lý do rủi ro của anh T1 thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Điểm 7.1.3 Điều khoản An gia tài lộc, Điểm 14.1.2 Điều khoản Life Care, Đ 7.1.5 Điều khoản A phát trọn đời và Điểm 11.2.6 Điều khoản bồi trợ BV-NR18 nên chỉ hoàn phí bảo hiểm đã nộp cho hợp đồng số 569406586, hợp đồng số 10000004711654 và hợp đồng số 10000006228019 với tổng số tiền là 39.885.000đồng. Chị Huệ H không đồng ý nên đã khởi kiện yêu cầu Tổng công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm cho 03 hợp đồng trên với số tiền là 970.000.000đồng và yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của số tiền 970.000.000đồng với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của chị Huệ H, chị Huệ H không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huệ H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Điểm 7.1.5 Điều 7 quy định trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của hợp đồng số 569406568 Bảo hiểm trọn đời yêu thương quy định “Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác”.

Tại Điểm 14.1.2 Điều 14 quy định trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm số 10000004711654 Bảo hiểm Life Care (Bảo hiểm ung thư và đột quy) quy định “Người được bảo hiểm sử dụng rượu, bia, ma túy, thuốc gây nghiện hoặc các chất kích thích khác trái với quy định của pháp luật”.

Tại Điểm 7.1.5 Điều 7 quy định trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của hợp đồng số 10000006228019 Bảo hiểm A phát trọn đời quy định “Người được bảo hiểm sử dụng trái phép rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích khác”.

Đối chiếu với các quy định về trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của 03 hợp đồng bảo hiểm trên, theo Kết luận số 1431/ĐTTH ngày 15/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông khiến anh Trần Bảo T1 tử vong là do anh T1 điều khiển xe mô tô biển số 63B3-202.14 trong trạng thái có sử dụng rượu bia (nồng độ Alcool 183,9mg/dl). Việc Tổng công ty B căn cứ vào kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố M để loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với anh Trần Bảo T1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị H cho rằng pháp luật không cấm người dân uống rượu bia và viện dẫn Khoản 5 Điều 5 của luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và cho rằng anh T1 là người lao động tự do và uống rượu, bia sau giờ làm việc nên không vi phạm là không chính xác và không phù hợp. Tại Khoản 6 Điều 5 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia “Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn” và tại Khoản 1 Điều 21 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định “Người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông”. Hành vi của anh T1 còn vi phạm vào khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Nguyên đơn cho rằng hành vi uống rượu, bia không phải là hành vi trái phép nên không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là không phù hợp với Khoản 6 Điều 5 và

Điều 21 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu Tổng công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm với tổng số tiền 970.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như văn bản trình bày ý kiến ngày 14/02/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng chị H khởi kiện yêu cầu B trả tổng số tiền bảo hiểm của 03 hợp đồng là 970.000.000đồng và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền trên từ ngày 10/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/9/2024, lãi suất 10%/năm là 139.572.222đồng nhưng bản án sơ thẩm chỉ giải quyết không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền bảo hiểm 970.000.000đồng, không giải quyết đối với yêu cầu lãi 139.572.222đồng dẫn đến việc bản án tuyên án phí không đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị H yêu cầu tính lãi 10%/năm của số tiền 970.000.000đồng từ ngày 10/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm không yêu cầu số tiền cụ thể vì vậy án sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu của chị H đối với số tiền 970.000.000đồng nên việc yêu cầu tính lãi là không có cơ sở là hoàn toàn phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huệ H là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huệ H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 15, điều 16, điều 17, điều 18 và điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 385, điều 401 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huệ H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 241/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huệ H yêu cầu Tổng Công ty B chi trả quyền lợi bảo hiểm và bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện

nghĩa vụ hợp đồng gồm: Quyền lợi bảo hiểm tử vong của 03 Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng số 569406568 ngày 18/12/2018; Hợp đồng số 10000004711654 ngày 23/12/2020 và Hợp đồng số 10000006228019 ngày 17/05/2021) số tiền là 970.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 10/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huệ H phải chịu 41.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Huệ H đã nộp 22.305.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005673 ngày 23/01/2024 và biên lai thu số 0006624 ngày 25/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, chị H còn phải nộp tiếp số tiền 18.795.000 đồng tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 21 tháng 3 năm 2025 có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh